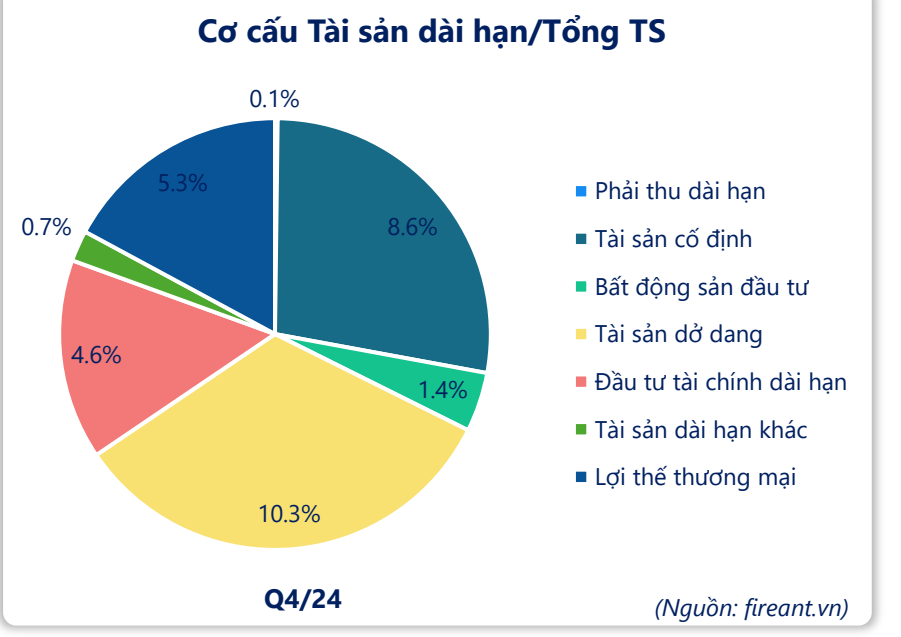
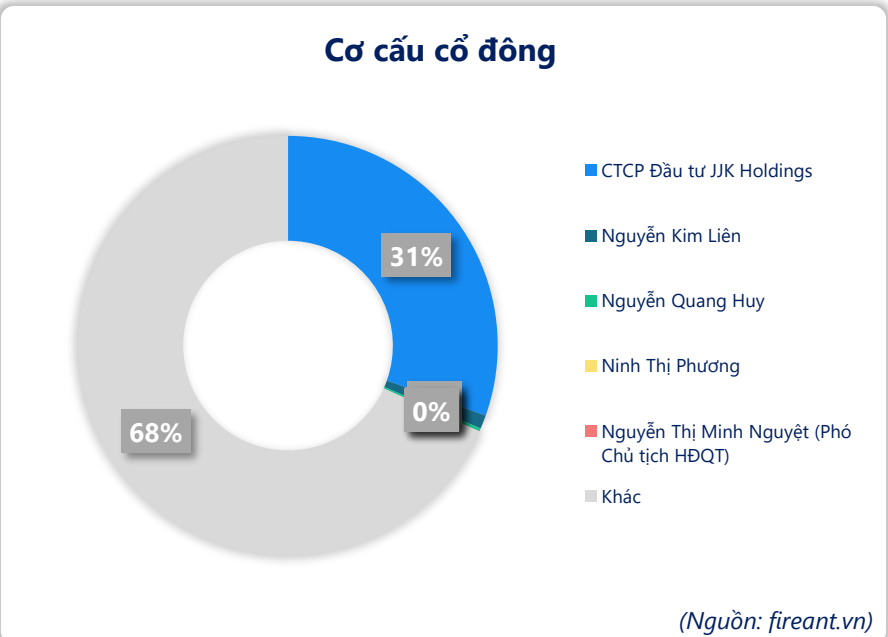
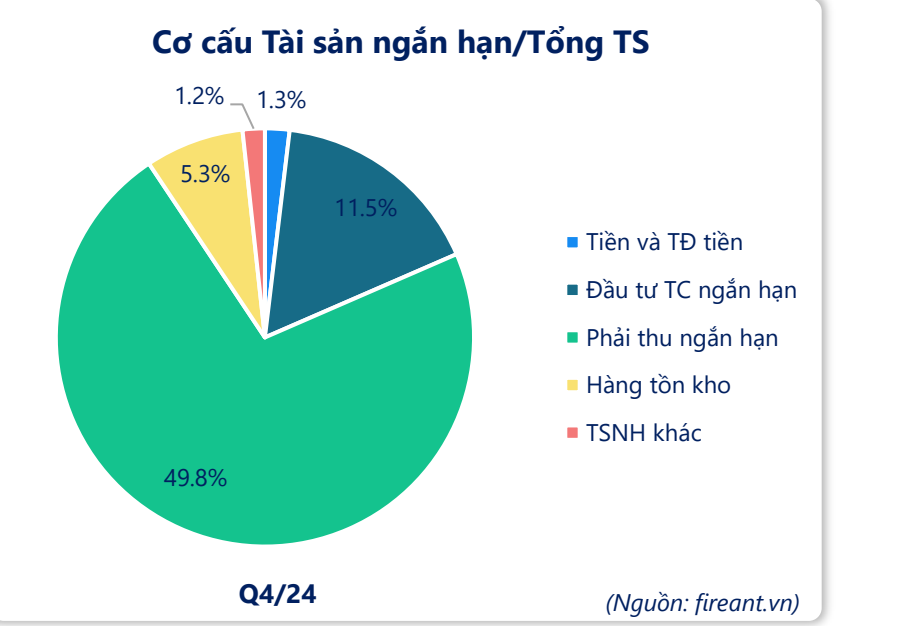
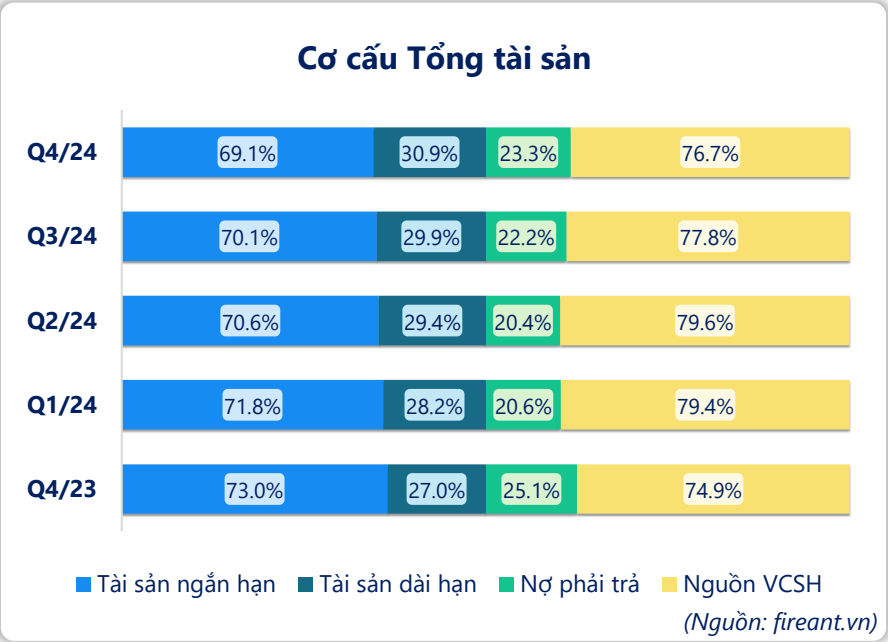
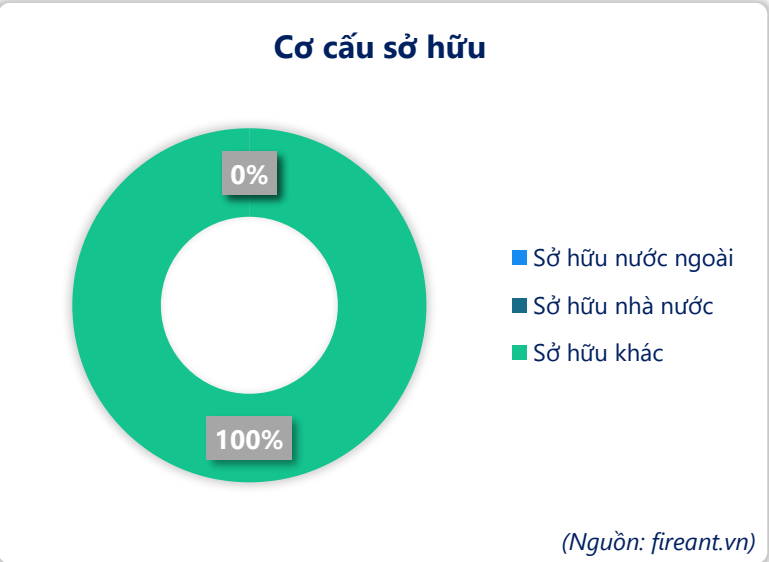
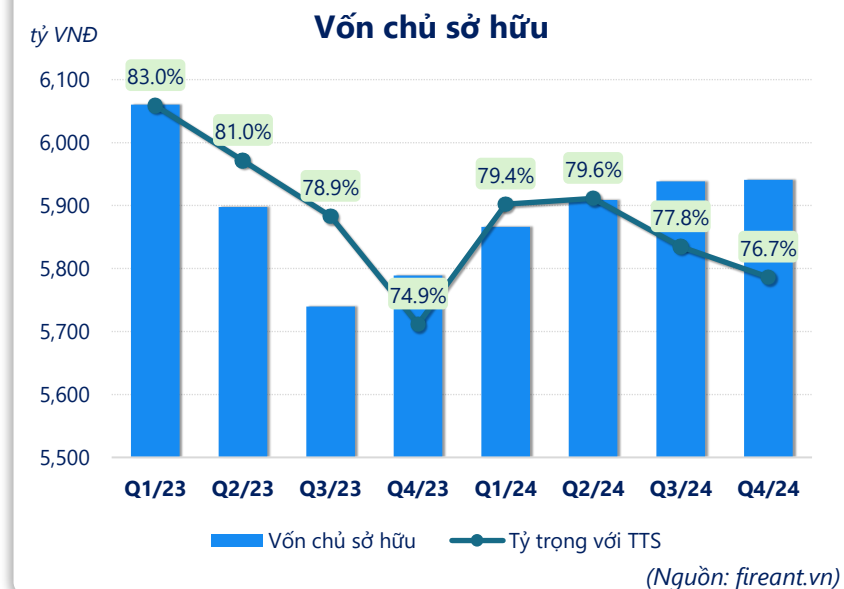
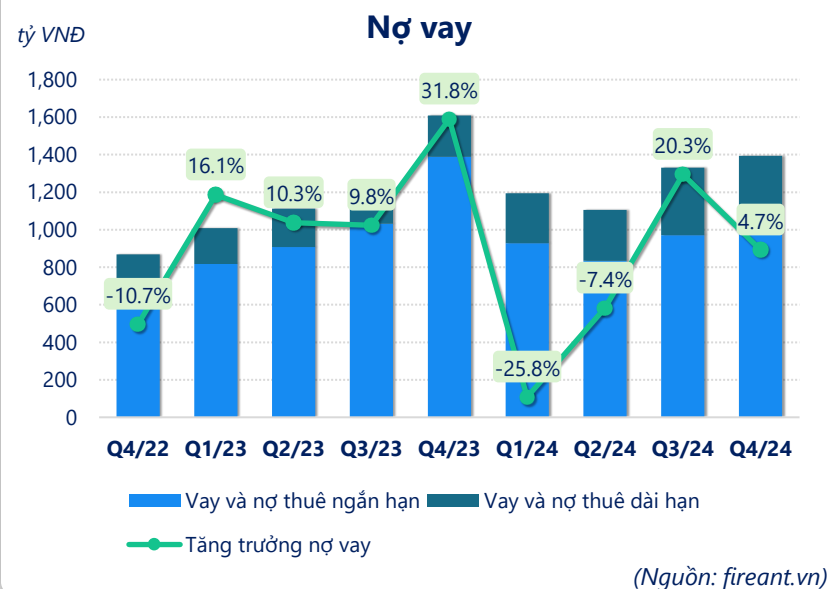
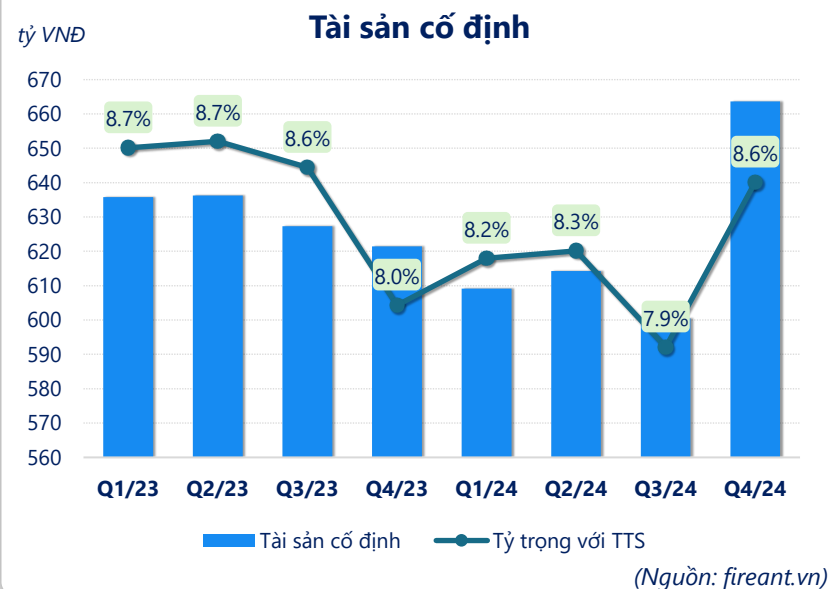
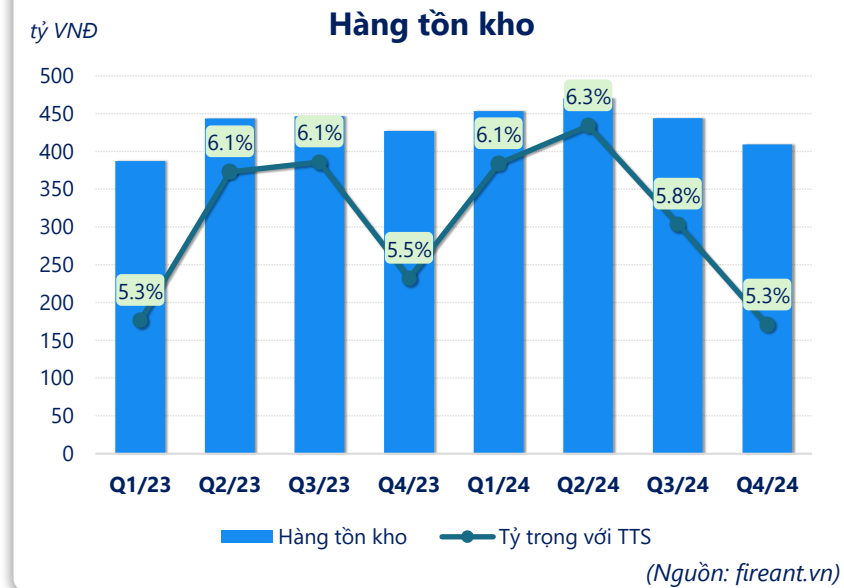
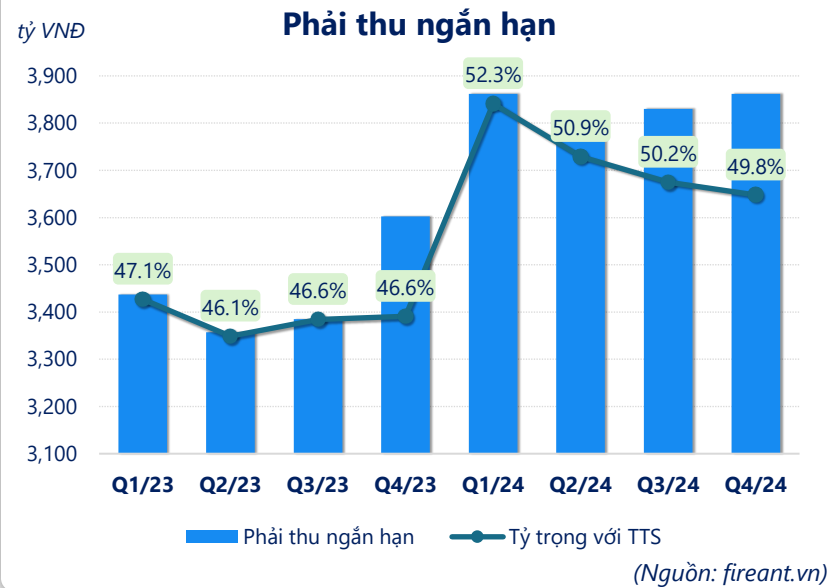
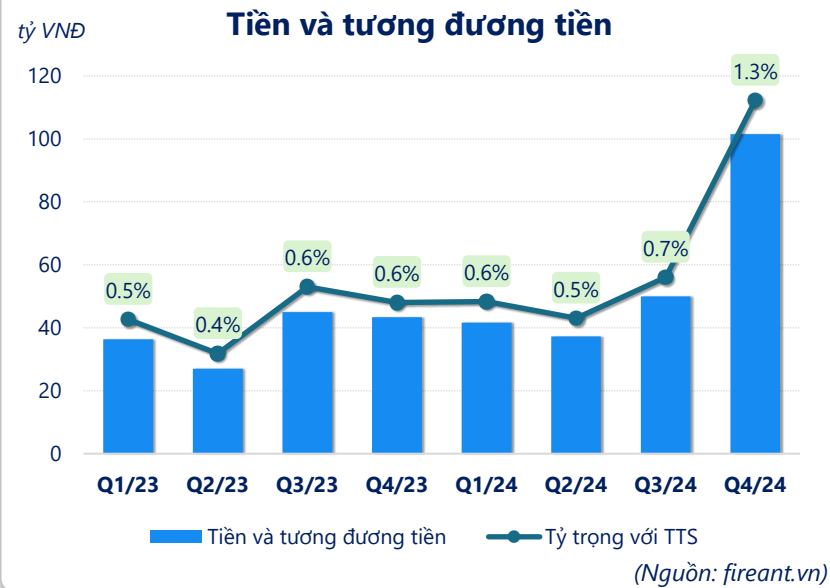
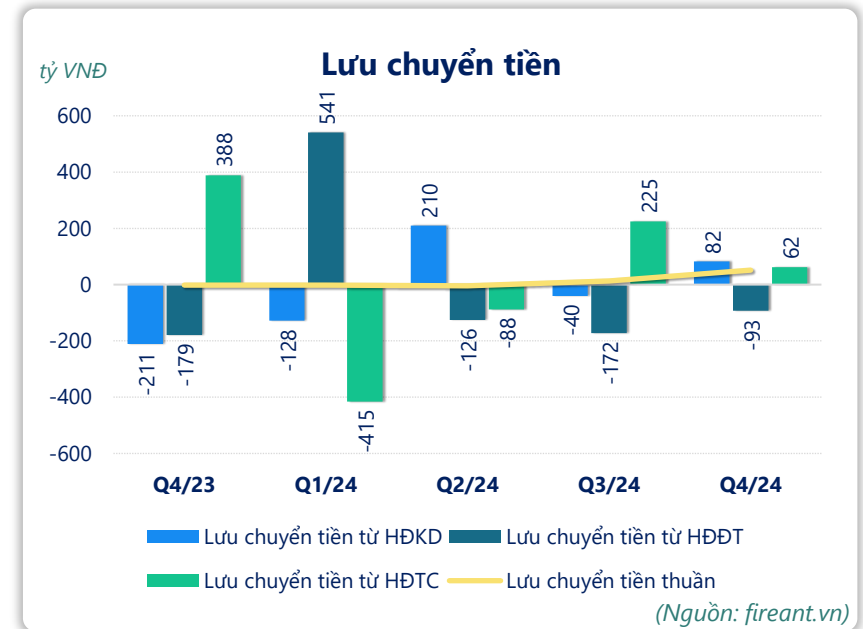
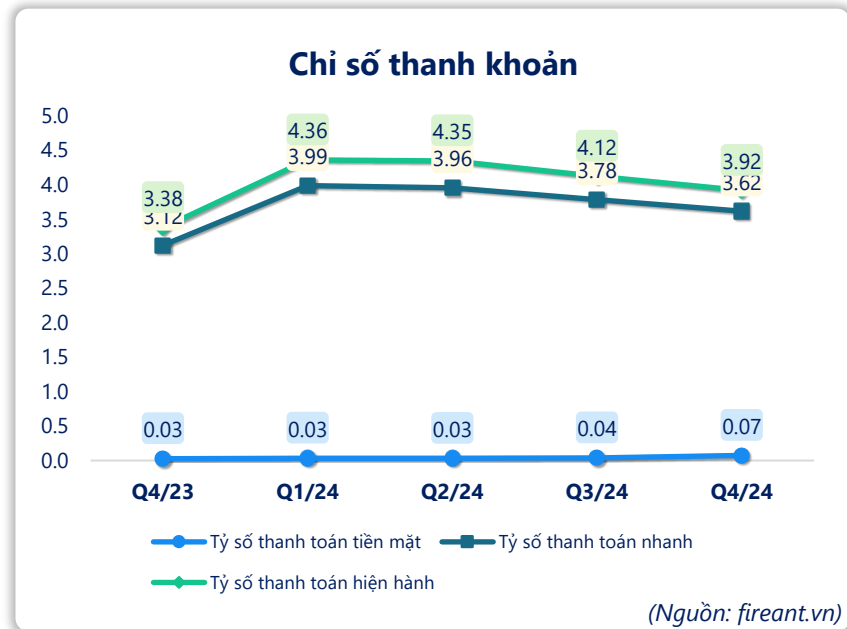
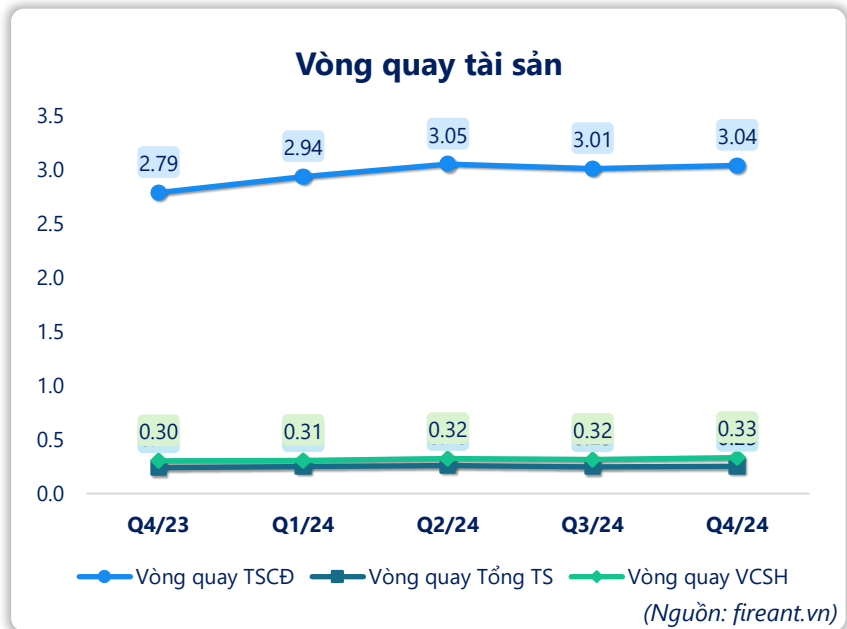
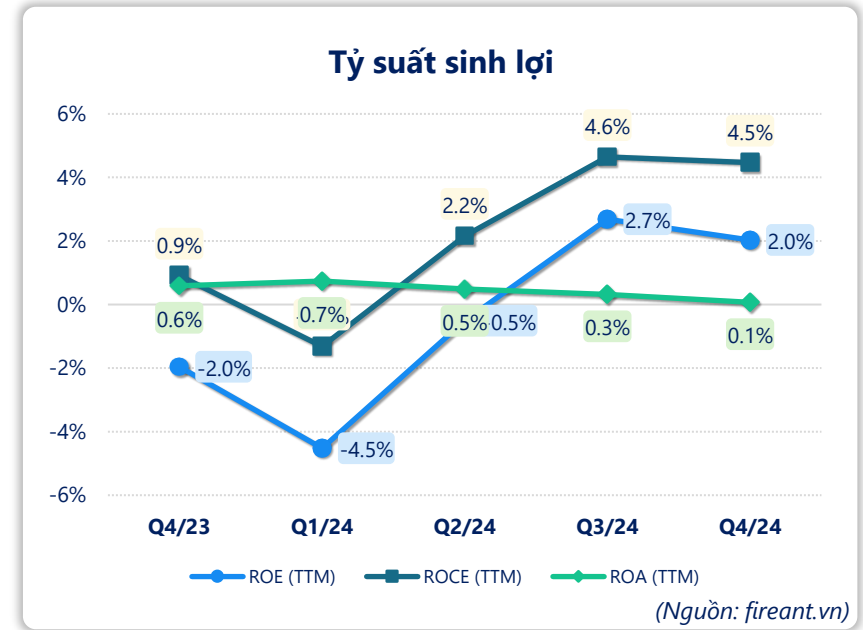
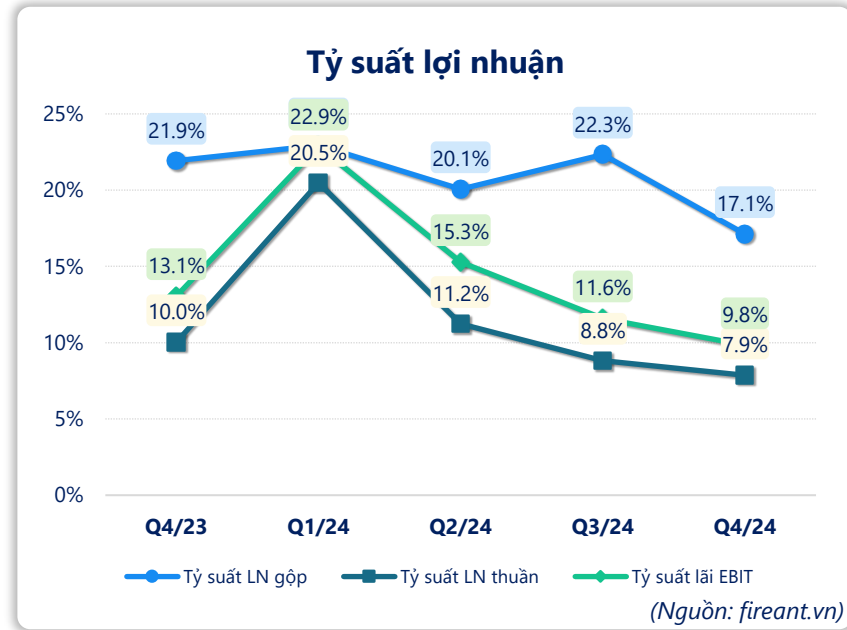
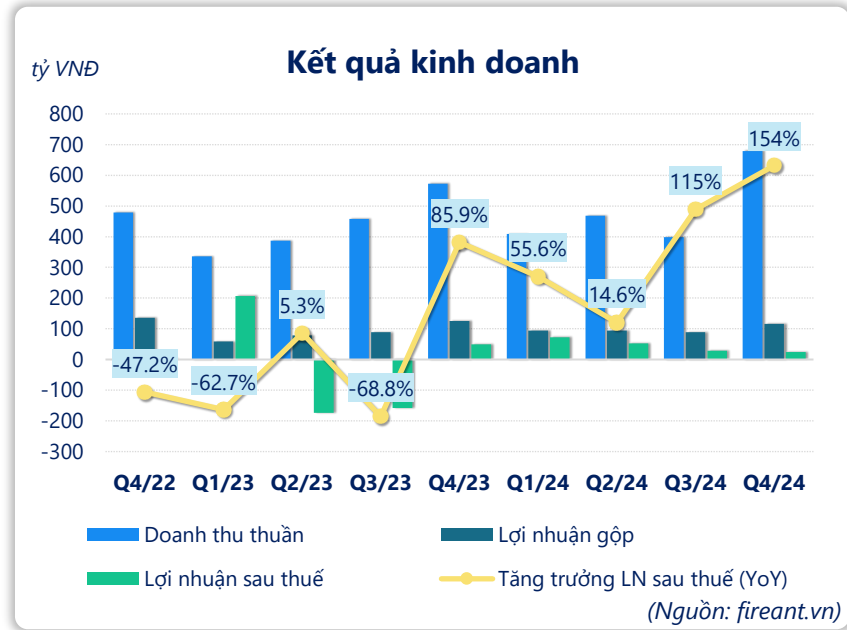


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		4,220
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,080
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,140
SL cổ phiếu LH		339,933,034
KLGD BQ 20 phiên (CP)		529,035
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,435
P/E		12.0
EPS		351

	YTD	1T	3T	6T
FIT		1.0%	-0.5%	-5.6%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	7,748	7,722	0.3%
Tài sản ngắn hạn	5,352	5,632	-5.0%
Tiền và tương đương tiền	101	43.3	134%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	887	1,502	-40.9%
Phải thu ngắn hạn	3,862	3,599	7.3%
Hàng tồn kho	409	427	-4.2%
Tài sản ngắn hạn khác	91.9	61.3	49.8%
Tài sản dài hạn	2,396	2,089	14.7%
Phải thu dài hạn	4.80	4.53	6.0%
Tài sản cố định	664	621	6.8%
Bất động sản đầu tư	107	108	-1.0%
Tài sản dở dang	795	438	81.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	360	368	-2.1%
Tài sản dài hạn khác	55.7	57.4	-3.0%
Lợi thế thương mại	410	492	-16.6%
Nợ phải trả	1,807	1,935	-6.6%
Nợ ngắn hạn	1,366	1,668	-18.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	990	1,389	-28.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	108	88.6	22.1%
Nợ dài hạn	441	267	65.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	403	221	82.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,941	5,787	2.7%
Vốn chủ sở hữu	5,941	5,787	2.7%
Vốn điều lệ	3,399	3,399	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	573	409	468	398	678
Giá vốn hàng bán	447	315	374	309	562
Lợi nhuận gộp	126	93.8	94.0	88.9	116
Doanh thu HĐTC	56.1	81.6	61.6	47.4	59.0
Chi phí TC	19.6	16.1	11.2	12.6	15.2
Chi phí lãi vay	18.3	15.5	11.6	10.6	12.6
LN trong công ty LKLD	-3.51	-2.29	-2.71	-2.93	-1.11
Chi phí bán hàng	42.6	26.9	34.7	31.8	51.4
Chi phí QLDN	58.6	46.4	54.4	53.9	54.1
LN thuần từ HĐKD	57.5	83.7	52.6	35.1	53.3
Lợi nhuận khác	-0.96	-5.73	7.39	0.41	0.82
LN trước thuế	56.5	78.0	60.0	35.5	54.2
Lợi nhuận sau thuế	49.5	71.9	52.4	28.0	24.1
LNST của CĐ cty mẹ	43.0	54.2	36.0	23.7	5.41

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-211	-128	210	-40.0	82.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-179	541	-126	-172	-92.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	388	-415	-88.0	225	62.2
Tiền đầu kỳ	45.0	43.3	41.6	37.3	49.9
Lưu chuyển tiền thuần	-1.67	-1.72	-4.35	12.7	51.5
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.03	0.01	-0.04	0.04
Tiền cuối kỳ	43.3	41.6	37.3	49.9	101

(Nguồn: fireant.vn)